

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH
Độc lập - Tự do - H2 phúc

Bản án số: 64/2020/HS-ST

Ngày: 30- 7- 2020

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị A Thơ
2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020, theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 55/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020; Quyết Đ hoãn phiên tòa số 15/2020/HSST- QĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 14/7/1974 tại thị trấn Hn, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Khu Th, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Ông Nguyễn Ngọc Ch (đã chết); mẹ đẻ: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1944; vợ là: Chị Nguyễn Phương A, sinh năm 1975 (hiện sống ly thân); con: có 01 con sinh năm 2006; tiền sự, tiền án: Không.

2. Phạm Đức L, sinh ngày 08/3/1995 tại xã T, huyện H, tỉnh Th; Nơi cư trú: Thôn Tg, xã T, huyện H, tỉnh Th; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1968; mẹ đẻ: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Tham gia Công an nghĩa vụ từ năm 2013 đến năm 2016; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng.

3. Lê Trọng Q, sinh ngày 21/7/2000 tại xã K, huyện H, tỉnh Th; Nơi cư trú: Thôn Tr, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Ông Lê Văn A, sinh năm 1972; mẹ đẻ: Bà Hà Thị Ch, sinh năm 1981; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không.

4. Trần Hữu H, sinh ngày 26/6/1997 tại thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Ông Trần Hữu H, sinh năm 1966; mẹ đẻ: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Năm 2016 tham gia nghĩa vụ quân sự đến 2018 xuất ngũ trở về địa phương .

5. Hng Thị Y, sinh ngày 27/02/2000 tại xã Tg, huyện D, tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Ông Hng Văn C, sinh năm 1977; mẹ đẻ: Bà Trần Thị T, sinh năm 1979; chồng, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không.

Các bị cáo đều bị tạm giữ từ ngày 20/9/2019, đến ngày 29/9/2019 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

(Các bị cáo có mặt tại phiên toà)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị Bích H1, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu Th, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình

2. A Phạm Trọng S, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình

3. A Nguyễn Xuân T, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình

4. Chị Trương Thị Hồng V, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tiểu khu .., thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình

- Người làm chứng:

1. A Khúc Văn Đ, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình

2. Chị Hà Chí L, sinh năm 2000

Nơi cư trú: Tổ..., phường Q, thành phố S, tỉnh S1 La

3. Chị Phạm Thị Hồng H2, sinh năm 2000

Nơi cư trú: Khối L, phường Q, thị xã Th, tỉnh Nghệ An.

4. A Lương Ngọc S1, sinh năm 2000

Nơi cư trú: Thôn Ngh, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình

5. A Hà Trung A, sinh ngày 14/7/ 2002

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình

6. A Lưu Văn Đ, sinh ngày 18/12/2001

Nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình

7. Chị Trần Thị Bé D (Trần Ngọc D), sinh năm 1996

Nơi cư trú: Ấp..., thôn L, huyện L, tỉnh Hậu Giang

8. Chị Trương Thị Q1, sinh năm 2000

Nơi cư trú: Thôn M, xã Ph, huyện L, tỉnh Yên Bái

9. Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 2000

Nơi cư trú: Bản Ph, xã Ng, huyện M, tỉnh S1 La

(Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 20/9/2019, Phạm Đức L đến chơi tại quán Karaoke Bibin Club thuộc khu Thị An, thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình do Nguyễn Ngọc T làm quản lý. Tại đây L hỏi mượn điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của T rồi đi vào phòng số 8 tầng một để gọi điện thoại cho Khúc Văn Đ rủ đến quán chơi. Một lúc T đi vào ngồi nói chuyện với L, trong lúc nói chuyện L đá chân vào một chiếc đĩa sứ màu trắng (dạng hình vuông) để ở dưới gầm ghế sofa ngay chỗ L ngồi. L cầm chiếc đĩa sứ đó để lên trên mặt loa (loa trầm) ở dưới nền nhà và nhìn thấy trên mặt đĩa có một lượng nhỏ chất bột màu trắng (L và T đều biết đó là ma Ty dạng “ke” (Ketamine)); 01 (một) chiếc ống hút được quán bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng có Đ hai đầu bằng vỏ đầu lọc của thuốc lá. Cùng lúc này Đ đi vào phòng hát, T đã rủ Đ và L sử dụng ma Ty nên nói “còn ít ke thừa, A em thêm tiền mua “ke” và “ke” về mà chơi”. Do phải về đón con nên Đ từ chối và nói “có chơi thì để chiều chơi, bây giờ phải về đón con” sau đó Đ đi về. Lúc này, Nguyễn Xuân T đi vào phòng nói với T “đêm qua em đi chơi về mượn A cho em ngủ nhờ ở đây”, T đồng ý rồi đi lên nhà, T nằm lên trên ghế sofa ngủ, còn L nằm nghịch điện

thoại. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày Đ quay lại quán Bibin Club thì gặp T đang đứng ở sân, tại đây Đ nói với T “chúng nó làm gì có tiền mà chơi”. T nói với Đ “để A vào hỏi xem ý chúng nó thế nào” rồi T và Đ đi vào phòng 8. Khi vào trong phòng T nói với mọi người “A em góp tiền vào mua đồ mà chơi, chơi như vậy nó mới bền”, L, T, Đ hiểu ý của T là gợi ý việc cho sử dụng ma Ty tại phòng 8 nên đã bàn bạc với nhau và thống nhất mỗi người mua 01 (một) viên ma Ty dạng kẹo (MDMA) và chung nhau $\frac{1}{2}$ “chỉ” ma Ty dạng Ketamine để sử dụng. T nói “hết 3.600.000 đồng”, L, Đ, T đồng ý nhưng do không mang theo tiền nên T hỏi vay Đ số tiền 1.200.000 đồng, Đ đồng ý và đưa cho T vay số tiền trên. Lúc này Trần Văn Mạnh, sinh năm 1986, nơi cư trú tại khu Đặng Xá, thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và Phạm Trọng S đi vào quán chơi, S thấy mọi người ở trong phòng 8 nên đi vào chơi. Do đã cho T mượn tiền nên Đ không đủ tiền để góp, Đ hỏi vay S số tiền 500.000 đồng, S đồng ý và đưa cho Đ vay số tiền trên. Thấy Đ vay được tiền thì L cũng hỏi vay S số tiền 1.200.000 đồng nhưng S không cho vay nên L đã đưa chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus của mình cho S để S cho vay số tiền trên, sau đó S và Mạnh đi về. Khi Mạnh và S đi ra khỏi quán, L, Đ, T mỗi người đưa riêng cho T số tiền 1.200.000 đồng để T đi mua ma Ty, Đ bảo T gọi 02 nhân viên nữ để phục vụ. T đi ra ngoài điện thoại cho Nguyễn Văn Toàn, sinh năm 1994, nơi cư trú: thôn Tiên La, xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình bảo Toàn điều cho hai nhân viên nữ đến quán để phục vụ khách hát Karaoke, Toàn đồng ý. L, T, Đ ngồi ở trong phòng 8 chờ khoảng 20 phút sau thì T đi vào phòng đứng ở gần cửa ra vào, L đứng dậy đi ra chỗ T thì T đưa cho L một chiếc khẩu Tr y tế màu xA gói bên trong một Ti nilong có viên dập một đầu bên trong có chứa 03 (ba) viên ma Ty dạng “kẹo” (MDMA) và một Ti ni lông có viên dập một đầu bên trong có chứa ma Ty dạng Ketamine và nói “đồ đây A em chơi đi” rồi đi ra ngoài quầy đứng trông quán. Trong phòng số 8 L lấy 03 (ba) viên ma Ty dạng kẹo (MDMA) chia cho T một viên, Đ một viên còn L giữ một viên để sử dụng. T, L, Đ mỗi người sử dụng $\frac{1}{2}$ viên ma Ty dạng kẹo (MDMA) bằng hình thức uống cùng với nước Cocacola có sẵn ở trong phòng, còn $\frac{1}{2}$ viên còn lại L, T, Đ để trên mặt bàn chỗ mình ngồi để sử dụng sau rồi ba người nhảy theo tiếng nhạc trong phòng. Khoảng 15 phút sau thì Hà Chí L và Phạm Thị Hồng H2 là nhân viên do Toàn điều đến, đi vào phòng. H2 đi vào ngồi cùng với T, còn L đi vào ngồi cùng với Đ, lúc này H2 và L thấy trên mặt bàn chỗ T và Đ ngồi có $\frac{1}{2}$ viên ma Ty dạng “kẹo” và đang có nhu cầu sử dụng ma Ty nên H2 và L tự đi ra lấy và sử dụng bằng hình thức uống với nước Cocacola, rồi ra nhảy cùng với L, Đ, T. Thấy L không có người ngồi cùng nên L gọi cho một nhân viên tên Dung (không xác Đ được họ, tuổi, địa chỉ ở đâu) đến quán để ngồi cùng với L. Tiếp đó, do có nhu cầu sử dụng ma Ty, dạng Ketamine và biết trong phòng đã có sẵn đĩa sứ ở dưới gầm ghế sofa (từ lúc sáng) nên L cầm chiếc đĩa sứ và lấy giấy vệ sinh (loại giấy ăn), một chiếc bật lửa ga để sẵn trên mặt bàn đi vào nhà vệ sinh trong phòng để “nướng đĩa” (động tác đốt làm nóng đĩa sứ) mục đích “xào ke” (động tác làm thoát ẩm và tạo độ mịn cho ma Ty Ketamine) cho mọi người sử dụng. L dùng giấy vệ sinh gạt hết T bộ số lượng ma Ty Ketamine còn thừa trên đĩa

xuống bồn cầu và xả nước rồi dùng giấy vệ sinh lau sạch lòng đĩa, sau đó dùng bật lửa đốt giấy vệ sinh để hơ đáy đĩa trên ngọn lửa đang cháy. “Nướng đĩa” xong L mang ra phòng để lên trên mặt loa (cục loa trầm) cạnh tường nhà vệ sinh, lấy Ti ma Ty dạng Ketamine đổ một phần ma Ty trong Ti ni lông lên trên mặt đĩa sứ, và tìm thấy trong phòng có một chiếc thẻ cứng màu trắng có sẵn trên mặt loa, L dùng thẻ cứng để “xào ke” cho mọi người sử dụng ma Ty. Trong lúc L đang “xào ke” thì Dung do L gọi đến vào phòng, “xào ke” xong L bê đĩa sứ có chứa ma Ty, thẻ cứng, ống hút lần lượt đến chỗ từng người ngồi và dùng thẻ cứng “kẻ đường ke” (động tác kẻ chất ma Ty, dạng Ketamine thành các đường thẳng) để từng người trong phòng sử dụng dưới hình thức hít qua đường mũi vào cơ thể, L là người sử dụng ma Ty sau cùng rồi tắt cả mọi người trong phòng tiếp tục nhảy được khoảng 30 phút thì Dung mệt nên đi về trước. Một lúc sau thì T đi vào phòng vào gọi L ra ngoài để nói chuyện điện thoại với Trương Thị Hồng V là nhân viên nữ của quán, bạn của L. L đi ra ngoài phòng dùng điện thoại của T để gọi lại cho V và rủ V đến quán mục đích để sử dụng ma Ty cùng mọi người. Một lúc sau V đến quán, T chỉ V vào phòng số 8, thấy V vào phòng L nói với V “kẹo trên mặt bàn em có chơi thì lấy mà chơi” và chỉ tay về phía mặt bàn nơi L để $\frac{1}{2}$ viên ma Ty dạng kẹo (MDMA) của mình chưa sử dụng. V tự đi ra lấy và sử dụng bằng hình thức uống với nước Cocacola rồi nhảy cùng mọi người. Do tiếp tục có nhu cầu sử dụng ma Ty, dạng Ketamine nên L lấy đĩa sứ, giấy vệ sinh, bật lửa ga đi vào trong nhà vệ sinh để “nướng đĩa”, sau đó L cầm ra để trên mặt loa đổ hết số lượng ma Ty, dạng Ketamine còn lại trong Ti nilong lên mặt đĩa rồi dùng thẻ cứng màu trắng để “xào ke” và “kẻ đường ke” để sử dụng cho bản thân. Sử dụng xong L gọi mọi người trong phòng đến chỗ của mình để sử dụng ma Ty, Đ, T, V, H2, L đi ra chỗ L, tự “kẻ đường ke” và dùng ống hút để sử dụng nhưng không hết số ma Ty Ketamine trên đĩa, L cầm đĩa sứ, ống hút, bật lửa, thẻ cứng để lên mặt ghế sofa trong phòng. Đến khoảng 17 giờ 28 phút cùng ngày T đi vào phòng số 8 để mang thêm đồ ăn cho nhóm của L, cùng lúc đó thì lực lượng Công an huyện Hưng Hà đến bắt quả tang. Thu giữ tại mặt ghế sofa: 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng (dạng hình vuông) trên mặt đĩa còn một lượng nhỏ ma Ty, dạng Ketamine, 01 (một) chiếc thẻ cứng màu trắng, 01 (một) chiếc bật lửa ga màu đỏ, 01 (một) chiếc ống hút cuốn bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng có Đ hai đầu bằng vỏ đầu lọc điều thuốc lá; thu giữ trên nền phòng 12 (mười hai) vỏ Ti ni lông có viên dập một đầu; thu giữ tại khe ốp chống ồn với tường phòng: 01 (một) Ti ni lông bên trong có chứa chất bột màu hồng (ma Ty, loại MDMA), 01 (một) Ti ni lông có viên dập một đầu bên trong có chứa chất bột màu xA (ma Ty, loại MDMA) và thu giữ T bộ hệ thống loa, âm ly trong phòng số 8.

Cùng ngày 20/9/2019 Nguyễn Ngọc T còn có hành vi cùng Lê Trọng Q tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng số 9 quán Karaoke Bibin Club bị Công an huyện Hưng Hà bắt quả tang. Cụ thể:

Trưa ngày 20/9/2019 tại phòng 203 nhà nghỉ Hương Đồng ở khu Nhân Cầu 1, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Lê Trọng Q; Hng Thị Y;

Trần Hữu Hòa; Lương Ngọc S1; Hà Trung A bàn nhau tổ chức sinh nhật cho S1 và liên hoan cho Q đi miền Nam. Sau khi thống nhất với nhau xong, Hòa gọi điện cho Nguyễn Ngọc T để đặt phòng hát, Q thuê xe taxi chở Q, S1, Hòa về khu vực cầu Giác, xã Kim Trung, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (mục đích để đón Lưu Văn Đ). Trung A chở Y bằng xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Exciter mang biển kiểm soát 17B4-374.92 của S1 đi đặt bánh sinh nhật. Khi xe taxi về đến cầu Giác, xã Kim Trung thì đỗ lại gần cầu Giác, Trung A đi xe máy một mình về nhà lấy thất lung thì gặp Q ở khu vực cầu Giác thuộc địa phận xã Kim Trung, huyện Hưng Hà. Lúc này, Q nảy sinh ý Đ tổ chức cho mọi người sử dụng ma túy nên Q mượn xe máy Trung A đang đi, một mình về nhà lấy bốn Ti ma Ty dạng Ketamine và bốn viên ma Ty dạng “kẹo”(MDMA), Q cất giấu ở nhà từ trước. H, S1, Trung A ngồi ở trong xe taxi đợi không biết việc Q đi về nhà lấy ma túy. Lấy ma Ty xong Q quay lại xe taxi cùng mọi người đi đón Đ và Hà Ngọc Nhi, sinh năm 2004, nơi cư trú: thôn Nghĩa Thôn, xã Kim Trung, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, người yêu Đ) rồi lên quán Bibin còn Trung A đi xe máy quay lại đón Y. Khi đến quán Bibin, T dẫn mọi người lên phòng số 9 tầng 2, vào phòng H mượn điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Q cắm vào hệ thống loa trong phòng mở nhạc, Q lấy hai viên ma Ty dạng “kẹo”(MDMA) pha với nước cocacola cho mọi người sử dụng. Lúc này Q nói với H “mượn một cái đĩa để xào ke”, Hòa nói với T “cho mượn một chiếc đĩa”, T hiểu nhóm của Hòa mượn đĩa để sử dụng ma Ty nên đi xuống quầy lấy đĩa. Sau khi “kẹo” tan hết trong nước cocacola thì Q, Hòa, S1, Đ sử dụng, còn để lại một phần cho Y và Trung A. T cầm một đĩa sứ lên phòng đưa cho Hòa, Hòa cầm đĩa sứ T vừa đưa để trên mặt bàn trong phòng và hỏi Q “còn kẹo không, đưa cho A T một viên”, Q lấy một viên ma Ty dạng “kẹo”(MDMA) đưa cho Hòa để Hòa đưa cho T. T nói với Q “chơi đến đâu lấy đến đấy”, T dẫn Q đi sang phòng bên, Q cất ba Ti ma Ty dạng Ketamine rồi quay lại phòng, còn T đi xuống quầy. Sau đó Y và Trung A đến sau. Y và Trung A đều uống nước cocacola pha ma túy dạng “kẹo”(MDMA). Lúc này Q lấy một Ti ma Ty dạng Ketamine để vào đĩa sứ vào bảo Y đi “xào ke”. Y cầm đĩa sứ trên mặt đĩa có Ti ma Ty dạng Ketamine, bật lửa, giảy đi vào nhà vệ sinh trong phòng, Q hỏi Hòa mượn thẻ nhựa cứng, Hòa hiểu Q mượn thẻ để phục vụ cho việc “xào ke” cho mọi người sử dụng, Hòa đưa cho Q một thẻ nhựa cứng màu đen trên thẻ có chữ “CHANEL”, Q cầm rồi đưa cho Y “xào ke”. Y “xào ke” xong mang đĩa “ke” ra để ở bàn, Q là người cầm đĩa “ke” đi mời mọi người trong phòng sử dụng gồm Hòa, S1, Đ, Trung A, Y. Sử dụng ma Ty xong cả nhóm nhảy theo tiếng nhạc. Lúc này T dẫn theo hai nhân viên gồm Trần Thị Bé D (Trần Ngọc D) và Trương Thị Q1 vào phòng số 9. Q lấy một viên ma Ty dạng “kẹo”(MDMA) trong Ti quần Q đang mặc chia thành hai phần rồi đưa cho D và Q1 sử dụng. Q sang phòng bên cạnh lấy một Ti ma Ty dạng Ketamine mang về phòng Q để lên mặt đĩa sứ và bảo Y đi “xào”. Y cầm đĩa sứ, Ti “ke”, bật lửa, giảy, thẻ nhựa đi vào trong nhà vệ sinh trong phòng để “xào ke” lần 2. Khi “xào ke” xong Y mang đĩa “ke” ra đặt trên mặt bàn, Q lấy một tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) đưa cho Y để cuộn ống hút “ke” mới, Y cất tờ tiền polime mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn

đồng) vào ví rồi lấy tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ (mười nghìn đồng) ra cuộn ống hút “ke”, cuộn xong Y đưa cho Q để Q mời T cùng mọi người trong phòng sử dụng ma Ty Ketamine (trừ Hà Ngọc Nhi là không sử dụng). Khi sử dụng xong mọi người trong phòng tiếp tục nhảy theo nhạc còn T đi xuống quầy. Lúc sau T dẫn Nguyễn Thị Tr là nhân viên phục vụ do T gọi đến vào phòng 9, Q đi sang phòng bên cạnh lấy hai Ti ma Ty “ke” còn lại mang về phòng. Q lấy một Ti ma Ty “ke”, cầm đĩa sứ, bật lửa, thẻ nhựa đi vào nhà vệ sinh trong phòng “xào ke”. “Xào ke” xong, Q bê đĩa “ke” ra ngoài kẻ thành những đường “ke” nhỏ mời T và Tr sử dụng. Q sử dụng “ke” xong Q để đĩa “ke” lên mặt bàn rồi lấy Ti ma Ty “ke” còn lại để lên mặt đĩa. Đến 17 giờ 30 phút lực lượng Công an huyện Hưng Hà phát hiện bắt quả tang thu giữ số ma Ty Ketamine còn lại trên mặt đĩa sứ chưa sử dụng hết, số ma Ty trên được cho vào một Ti nilon trong suốt có viền dập, trên viền dập có đường kẻ ngang màu xA gắn kín và niêm phong trong một phong bì dán kín mép, kí hiệu M1; thu giữ trên mặt đĩa sứ 01(một) Ti nilon trong suốt có viền dập, trên viền dập có đường kẻ ngang màu đỏ, bên trong có chứa chất bột màu trắng, niêm phong trong phong bì dán kín mép, kí hiệu M2; thu giữ trên mặt loa 01(một) Ti nilon trong suốt có viền dập, trên viền dập có đường kẻ ngang màu đỏ, bên trong có chứa chất bột màu trắng, niêm phong trong phong bì dán kín mép, kí hiệu M3; thu giữ trên mặt sàn 02(hai) Ti nilon trong suốt có viền dập, trên viền dập có đường kẻ ngang màu đỏ, bên trong có bám dính chất bột màu, trắng niêm phong trong phong bì dán kín mép, kí hiệu M4 cùng T bộ vật chứng phục vụ việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty.

Vật chứng của vụ án gồm:

+ 04 (bốn) phong bì còn nguyên niêm phong số 374/KLGD của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, ký hiệu M1, M2, M3, M4;

+ 03 (ba) phong bì còn nguyên niêm phong số 376/KLGD của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, ký hiệu M1, M2, M3;

+ 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng, đường kính 20cm; 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng (dạng hình vuông); 01 (một) chiếc đĩa sứ (dạng hình tròn); 01 (một) chiếc thẻ nhựa cứng màu đen có chữ “CHANEL”; 01 (một) chiếc thẻ nhựa cứng màu xA trắng có chữ “FECREDIT”; 01 (một) chiếc thẻ nhựa cứng màu trắng; 01 (một) chiếc bật lửa ga màu đỏ đều đã qua sử dụng;

+ 01 (một) ống hút được cuộn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 (Hai mươi nghìn) đồng, được cố Đ một đầu bằng một vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 (một) ống hút được cuộn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 (Mười nghìn) đồng, được cố Đ bằng ba vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 (một) ống hút được quấn bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng được cố Đ hai đầu bằng vỏ đầu lọc điều thuốc lá;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5; 03 (ba) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím bấm đều đã qua sử dụng;

+ 01 (một) Ti xách tay giả da, màu đen; 01 (một) Ti xách màu trắng; 02 (hai) ví giả da màu đen đều đã qua sử dụng;

+ 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trần Hữu Hòa,

+ 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên “TRAN HUU HOA”; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Xuân T;

+ 06 (sáu) loa thùng, 08 (tám) thiết bị điện tử, 01 (một) đèn chớp, 01 (một) chiếc đèn xoay; 01 (một) đèn xoay, 01 (một) thùng đựng âm ly; 01 (một) chiếc khẩu Tr y tế màu xA; 01 (một) chiếc loa nhãn hiệu T.D TAICHEE kích thước (100x60x47) cm; 01 (một) chiếc loa nhãn hiệu MARTIN AUDIO CONDON kích thước (70x47x44) cm; 01 (một) chiếc loa treo kích thước (60x35x37,5) cm; 01 (một) chiếc đầu lưu dữ liệu bài hát nhãn hiệu Vietk TV màu bạc; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu ADMARK P500 màu đen; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu Amek AM-900 màu đen; 01 (một) bộ chia ổ cắm nhãn hiệu DBX8 2PRO; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu SOUNDS TANDARD màu đen; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu DARTON CA200 màu đen; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu Mat 3088 màu đen; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu JBL KX 800 màu đen; 01 (một) bộ chỉnh Mic nhãn hiệu DOUMUS màu đen; 01 (một) chiếc đầu thu Mic nhãn hiệu SHURE UGY8 màu đen đều đã qua sử dụng; 01 (một) quyển phiếu thA toán;

+ 32 (ba mươi hai) vỏ Ti ni lông có viên dập một đầu;

+ Số tiền 5.200.000 (năm triệu hai trăm nghìn) đồng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 17B4-374.92 quản lý của A Lương Ngọc S1, quá trình điều tra xác Đ chiếc xe là tài sản hợp pháp của S1 không liên quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty nên cơ quan điều tra đã ra quyết Đ trả lại chiếc xe cho A S1.

Bản kết luận giám Đ số 376/KLGD-PC09 ngày 22/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

- Mẫu ký hiệu M1 (chất bột màu trắng thu giữ trên mặt đĩa sứ phòng số 8) gửi giám Đ là ma Ty, loại Ketamine, có khối lượng 0,0456 gam (không phẩy không nghìn bốn trăm năm mươi sáu gam)

- Mẫu ký hiệu M2 (chất bột màu hồng dạng cục thu giữ tại khe ổp chống ồn phòng 8) là ma Ty, loại MDMA, có khối lượng 0,4890 gam (không phẩy bốn nghìn tám trăm chín mươi gam)

- Mẫu ký hiệu M3 (chất bột màu xA thu giữ tại khe ổp chống ồn phòng 8) là ma Ty, loại MDMA, có khối lượng 0,0051 gam (không phẩy không nghìn không trăm năm mươi một gam)

Bản kết luận giám Đ số 374 /KLGD-PC09 ngày 22/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: chất bột màu trắng trong 04(bốn) mẫu gửi giám Đ là ma Ty, loại Ketamine có tổng khối lượng 0,3854gam (không phẩy ba nghìn tám trăm năm mươi tư gam);

Bản kết luận giám Đ số 375/KLGD-PC09 ngày 22/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu nước tiểu thu của Trương Thị Hồng V, Nguyễn Xuân T, Phạm Thị Hồng H2, Phạm Đức L, Nguyễn Ngọc T, Hà Chi L, Khúc Văn Đ gửi giám Đ có chứa sản phẩm chuyển hóa của ma Ty, loại MDMA và Ketamine;

Bản kết luận giám Đ số 373/KLGD-PC09 ngày 22/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu nước tiểu thu của Trần Hữu Hòa, Lê Trọng Q, Lương Ngọc S1, Lưu Văn Đ, Hà Trung A, Nguyễn Thị Tr, Trần Thị Bé D (Trần Ngọc D), Trương Thị Q1, Hng Thị Y gửi giám Đ có chứa sản phẩm chuyển hóa của ma Ty, loại MDMA và Ketamine;

Bản cáo trạng số 54/CT-VKSHH ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã truy tố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty” quy Đ tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Trọng Q, Trần Hữu H, Hng Thị Y đều về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty” quy Đ tại các điểm b,c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Đức L, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty” quy Đ tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và trA luận: Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết Đ truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Trọng Q, Phạm Đức L, Trần Hữu H, Hng Thị Y phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty”.

Áp dụng các điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Q, H, Y. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hòa: Xử phạt bị cáo Lê Trọng Q từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; Xử phạt bị cáo Trần Hữu H từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù. Xử phạt bị cáo Hng Thị Y từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Đức L từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày 20/9/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận T bộ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo không trA luận và đều có lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, trA luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết Đ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội dA: Buổi tối ngày 20/9/2019, tại quán Karaoke Bibin Club ở khu Thị An, thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình do Nguyễn Ngọc T quản lý, Nguyễn Ngọc T đã có hành vi rủ rê, cùng Lê Trọng Q, Trần Hữu H, Hng Thị Y và Phạm Đức L tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty. Với hành vi hai lần tổ chức cho hai nhóm khác nhau sử dụng trái phép chất ma Ty (trong đó có người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi) của bị cáo Nguyễn Ngọc T đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty” với ba tình tiết Đ khung “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Đối với 02 người trở lên” và “Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi” theo các điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 7 năm đến 15 năm tù.

Các bị cáo Lê Trọng Q, Trần Hữu H, Hng Thị Y đồng phạm với Nguyễn Ngọc T thực hiện hành vi tổ chức cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma Ty (trong đó có người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi) nên đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty” với hai tình tiết Đ khung “quy Đ tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 7 năm đến 15 năm tù.

Bị cáo Phạm Đức L đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty” với tình tiết Đ khung “Đối với 02 người trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 7 năm đến 15 năm tù

[3] Về tính chất, mức độ và vai trò phạm tội: Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quy Đ của Nhà nước về quản lý các chất ma Ty. Các bị cáo nhận thức rõ tác hại và sự nguy hiểm của ma Ty nhưng vẫn tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty, thể hiện ý thức coi thường pháp luật.

Giữ vai trò chính trong vụ án là bị cáo Nguyễn Ngọc T là người rủ rê, cung cấp địa điểm, cung cấp ma Ty và đĩa sứ làm dụng cụ sử dụng ma Ty cho các bị cáo. Do đó, bị cáo T giữ vai trò cao nhất và phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án.

Giữ vai trò sau bị cáo T là bị cáo Lê Trọng Q có hành vi chuẩn bị ma Ty, phân công các bị cáo chuẩn bị dụng cụ xào ke, và trực tiếp “xào ke” nên bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhưng thấp hơn bị cáo T.

Tiếp theo là các bị cáo Trần Hữu H, Hng Thị Y và Phạm Đức L phạm tội với vai trò đồng phạm, cụ thể: Trần Hữu Hòa làm theo sự phân công của Q là chuẩn bị dụng cụ (đĩa sứ, thẻ cứng) để sử dụng ma Ty. Hng Thị Y có hành vi cuốn ống hút, nướng đĩa sứ “xào ke”. Phạm Đức L mua ma Ty rủ rê đối tượng khác sử dụng ma Ty; chuẩn bị đĩa sứ, nướng đĩa sứ và dùng thẻ cứng kẻ đường ke. Do đó đánh giá vai trò, mức độ phạm tội của các bị cáo Hòa, Y, L là ngang nhau phải chịu mức hình phạt bằng nhau nhưng thấp hơn bị cáo Q.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội, các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy Đ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo L, Hòa có thời gian tham gia Công an nghĩa vụ và quân đội nhân dân Việt Nam; gia đình bị cáo T là gia đình chính sách có bố dượng là liệt S nên các bị cáo L, Hòa, T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy Đ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[5] Về hình phạt: Từ những căn cứ trên, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy Đ tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự quy Đ “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên toà đều cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn Đ. Bị cáo T bị thương tật do bỏng nặng, sức khỏe yếu; bị cáo Q bị cắt lá lách do tai nạn giao thông; gia đình bị cáo Y rất khó khăn. Các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty không nhằm mục đích lợi nhuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết Đ không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về nguồn gốc số lượng ma Ty thu giữ trên mặt đĩa sứ tại phòng số 8, Nguyễn Ngọc T khai nhận nhờ một người xe ôm không rõ tên tuổi địa chỉ ở đâu để hỏi mua hộ, sau đó có một người nam thA niên T không biết tên tuổi địa chỉ ở đâu mang đến bán cho T, ngoài lời khai của T không có tài liệu chứng cứ khác nên không đủ căn cứ để xử lý đối với người đã bán ma Ty cho T trong vụ án này.

Về nguồn gốc số lượng ma Ty thu giữ bên trong khe ổ chống ồn với tường phòng, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hưng Hà đã tiến hành xác minh nhưng không đủ căn cứ để xác Đ nguồn gốc ở đâu mà có, của ai cất giấu tại đây.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ tại phòng số 9, Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh xác Đ, khoảng ngày 13/9/2019 Đ bàn với Q, S1 đi lấy hộ ma Ty cho một người có tài khoản zalo có tên “Mẫn Nhi” Đ, Q, S1 không quen biết người này và không biết người này ở đâu. Thông qua mạng zalo người này nhờ Đ đi lấy hộ ma Ty từ một người khác tại thành phố Hải Dương. Q thuê taxi chở Đ, S1, Trung A đi sang thành phố Hải Dương để lấy hộ ma túy. Tại đây Đ gặp một người đàn ông không biết họ tên, địa chỉ cụ thể ở đâu, người này đưa cho Đ một hộp bìa cát tông để nhờ Đ mang về hộ cho người có tài khoản zalo “Mẫn Nhi”. Đ cầm rồi cùng S1, Trung A đi taxi về, khi đến khu vực cầu Hiệp thuộc địa phận tỉnh Hải Dương, Đ đưa hộp bìa cát tông có chứa ma Ty “ke, kẹo” cho Trung A bảo Trung A mang về đưa cho Q, việc đi lấy ma Ty Trung A không được biết. Q cầm hộp bìa cát tông Trung A đưa, Q đã bóc chiếc hộp ra để lấy số ma Ty bên trong chiếc hộp rồi cất giấu ở nhà. Ngày 20/9/2019 Q mang theo số ma Ty trên để tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty tại quán Bibin Club, việc Q mang theo ma Ty Q không bàn bạc với ai, không nói cho Đ, S1, Trung A biết. Do đó Cơ quan CSĐT không đủ căn cứ để xử lý người đã đưa ma Ty cho Đ, S1, Trung A vào ngày 13/9/2019 và không đủ căn cứ để xác Đ người có tài khoản zalo “Mẫn Nhi” ở đâu nên không đủ căn cứ để xử lý hành vi “chiếm đoạt chất ma Ty” theo quy Đ tại Điều 252 Bộ luật hình sự.

[8] Đối với đối tượng nhân viên nữ tên Dung đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma Ty tại phòng số 8, Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh nhưng không có tài liệu xác Đ được con người cụ thể, nên không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với Phạm Trọng S, ngày 20/9/2019 cho Khúc Văn Đ vay số tiền 500.000 đồng, cho Phạm Đức L vay số tiền 1.200.000 đồng và cầm của L chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7. Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh, S không được biết việc L, T, Đ vay tiền mục đích để làm gì. Về phần dân sự, S không đề nghị gì về số tiền 1.200.000 đồng đã cho L vay và chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus đã giao nộp cho Cơ quan điều tra để trả lại cho Phạm Đức L.

Trong vụ án này Nguyễn Xuân T, Khúc Văn Đ biết T đi mua ma Ty nên góp tiền để nhờ T đi mua ma Ty mục đích để sử dụng cho bản thân không nhằm mục đích cho người khác sử dụng, vì vậy hành vi trên của Nguyễn Xuân T và Khúc Văn Đ không cấu thành tội phạm.

Ngày 20/9/2019, Lưu Văn Đ, Hà Trung A, Lương Ngọc S1, Trần Thị Bé D, Trương Thị Q1, Nguyễn Thị Tr, Hà Chí L, Phạm Thị Hồng H2, Trương Thị Hồng V, Nguyễn Xuân T, Khúc Văn Đ đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma Ty. Công an huyện Hưng Hà đã ra Quyết Đ xử phạt vi phạm hành chính là đúng theo quy Đ.

Đối với chị Phạm Thị Bích H1, sinh năm 1984, nơi cư trú: Khu Thị An, thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình là người đứng tên đăng kí kinh doanh quán Karaoke Bibin Club tuy nhiên trong quá trình hoạt động chị H1 đã giao

T bộ quyền quản lý, điều hành quán cho A Nguyễn Ngọc T do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà không xử lý đối với chị H1 là đúng quy Đ.

[9] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm:

+ 04 (bốn) phong bì còn nguyên niêm phong số 374/KLGD của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, ký hiệu M1, M2, M3, M4 (Hn mẫu vật giám Đ)

+ 03 (ba) phong bì còn nguyên niêm phong số 376/KLGD của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, ký hiệu M1, M2, M3 (Hn mẫu vật giám Đ)

+ 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng, đường kính 20cm; 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng (dạng hình vuông); 01 (một) chiếc đĩa sứ (dạng hình tròn); 01 (một) chiếc thẻ nhựa cứng màu đen có chữ “CHANEL”; 01 (một) chiếc thẻ nhựa cứng màu xA trắng có chữ “FECREDIT”; 01 (một) chiếc thẻ nhựa cứng màu trắng; 01 (một) chiếc bật lửa ga màu đỏ đều đã qua sử dụng;

+ 32 (ba mươi hai) vỏ Ti ni lông có viên dập một đầu; 01 (một) chiếc khẩu Tr y tế màu xA.

Số vật chứng nêu trên đều không còn giá trị sử dụng và không ai có yêu cầu trả lại nên cần tịch thu tiêu hủy

+ 01 (một) ống hút được cuộn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 (Hai mươi nghìn) đồng, được cố Đ một đầu bằng một vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 (một) ống hút được cuộn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 (Mười nghìn) đồng, được cố Đ bằng ba vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 (một) ống hút được quấn bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng được cố Đ hai đầu bằng vỏ đầu lọc điều thuốc lá.

Số vật chứng nêu trên đều sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím bấm đã qua sử dụng của Nguyễn Ngọc T.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng đã cũ của Lê Trọng Q; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen của Phạm Đức L; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 vỏ màu xám đen của Trương Thị Hồng V; 02 (hai) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím bấm đều đã qua sử dụng của Lê Trọng Q và của Trần Hữu Hòa.

+ 01 (một) Ti xách tay giả da, màu đen của Lê Trọng Q; 01 (một) Ti xách màu trắng của Hng Thị Y; 02 (hai) ví giả da màu đen đều đã qua sử dụng của Lê Trọng Q và của Trần Hữu Hòa.

+ 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trần Hữu Hòa,

+ 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên “TRAN HUU HOA”

+ 01 (một) thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Xuân T;

+ 06 (sáu) loa thùng, 08 (tám) thiết bị điện tử, 01 (một) đèn chớp, 01 (một) chiếc đèn xoay; 01 (một) đèn xoay, 01 (một) thùng đựng âm ly; 01 (một) chiếc loa nhãn hiệu T.D TAICHEE kích thước (100x60x47) cm; 01 (một) chiếc loa nhãn hiệu MARTIN AUDIO CONDON kích thước (70x47x44) cm; 01 (một) chiếc loa treo kích thước (60x35x37,5) cm; 01 (một) chiếc đầu lưu dữ liệu bài hát nhãn hiệu Vietk TV màu bạc; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu ADMARK P500 màu đen; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu Amek AM-900 màu đen; 01 (một) bộ chia ổ cắm nhãn hiệu DBX8 2PRO; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu SOUNDS TANDARD màu đen; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu DARTON CA200 màu đen; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu Mat 3088 màu đen; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu JBL KX 800 màu đen; 01 (một) bộ chỉnh Mic nhãn hiệu DOUMUS màu đen; 01 (một) chiếc đầu thu Mic nhãn hiệu SHURE UGY8 màu đen đều đã qua sử dụng; 01 (một) quyền phiếu thA toán. Các tài sản này đều thuộc sở hữu của chị Phạm Thị Bích H1.

+ Số tiền 5.200.000 (năm triệu hai trăm nghìn) đồng, trong đó: Số tiền của Trần Hữu Hòa là 1.500.000 đồng; số tiền của Lê Trọng Q là 3.650.000 đồng, số tiền của Hng Thị Y là 50.000 đồng

Đối với số tiền và các tài sản nêu trên đã thu giữ của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quá trình điều tra xác Đ không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Phạm Đức L, Lê Trọng Q, Trần Hữu H và Hng Thị Y phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty”.

Áp dụng các điểm a, b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2019.

Áp dụng các điểm b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Trọng Q, Trần Hữu H, Hng Thị Y. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hòa,

Xử phạt bị cáo Lê Trọng Q 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2019.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu H 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2019.

Xử phạt bị cáo Hng Thị Y 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2019.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Phạm Đức L 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2019.

2. Về xử lý vật chứng: *Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,*

- Tịch thu để tiêu hủy:

+ 04 (bốn) phong bì còn nguyên niêm phong số 374/KLGD của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, ký hiệu M1, M2, M3, M4 (Hn mẫu vật giám Đ)

+ 03 (ba) phong bì còn nguyên niêm phong số 376/KLGD của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, ký hiệu M1, M2, M3 (Hn mẫu vật giám Đ)

+ 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng, đường kính 20cm; 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng (dạng hình vuông); 01 (một) chiếc đĩa sứ (dạng hình tròn); 01 (một) chiếc thẻ nhựa cứng màu đen có chữ “CHANEL”; 01 (một) chiếc thẻ nhựa cứng màu xA trắng có chữ “FECREDIT”; 01 (một) chiếc thẻ nhựa cứng màu trắng; 01 (một) chiếc bật lửa ga màu đỏ đều đã qua sử dụng;

+ 32 (ba mươi hai) vỏ Ti ni lông có viền dập một đầu; 01 (một) chiếc khẩu Tr y tế màu xA.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 (một) ống hút được cuộn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 (Hai mươi nghìn) đồng; 01 (một) ống hút được cuộn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 (Mười nghìn) đồng; 01 (một) ống hút được quấn bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng.

- Trả lại số tài sản sau:

+ Trả lại Nguyễn Ngọc T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím bấm đã qua sử dụng

+ Trả lại Lê Trọng Q: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng đã cũ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím bấm đã qua sử dụng; 01 (một) Ti xách tay giả da, màu đen; 01 (một) ví giả da màu đen đã qua sử dụng và số tiền 3.650.000 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại Phạm Đức L: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen.

+ Trả lại Trần Hữu Hòa: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím bấm đã qua sử dụng; 01 (một) ví giả da màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trần Hữu Hòa; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng

Vietcombank mang tên “TRAN HUU HOA” và số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Trả lại Trương Thị Hồng V: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 vỏ màu xám đen

+ Trả lại Hng Thị Y: 01 (một) Ti xách màu trắng và số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại Nguyễn Xuân T: 01 (một) thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Xuân T;

+ Trả lại chị Phạm Thị Bích H1: 06 (sáu) loa thùng, 08 (tám) thiết bị điện tử, 01 (một) đèn chớp, 01 (một) chiếc đèn xoay; 01 (một) đèn xoay, 01 (một) thùng đựng âm ly; 01 (một) chiếc loa nhãn hiệu T.D TAICHEE kích thước (100x60x47) cm; 01 (một) chiếc loa nhãn hiệu MARTIN AUDIO CONDON kích thước (70x47x44) cm; 01 (một) chiếc loa treo kích thước (60x35x37,5) cm; 01 (một) chiếc đầu lưu dữ liệu bài hát nhãn hiệu Vietk TV màu bạc; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu ADMARK P500 màu đen; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu Amek AM-900 màu đen; 01 (một) bộ chia ổ cắm nhãn hiệu DBX8 2PRO; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu SOUNDS TANDARD màu đen; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu DARTON CA200 màu đen; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu Mat 3088 màu đen; 01 (một) chiếc đầu âm ly nhãn hiệu JBL KX 800 màu đen; 01 (một) bộ chỉnh Mic nhãn hiệu DOUMUS màu đen; 01 (một) chiếc đầu thu Mic nhãn hiệu SHURE UGY8 màu đen đều đã qua sử dụng; 01 (một) quyển phiếu thA toán.

Vật chứng trên đang được chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình ngày 04/6/2020.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về án phí, lệ phí Tòa án

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Phạm Đức L, Lê Trọng Q, Trần Hữu H và Hng Thị Y, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng Đ hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Hưng Hà;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Chi cục THADS H.Hung Hà;
- Người TGTĐ khác;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Thế Hùng